

Bản án số: 07/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 01 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con chung
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Duy Tuân
2. Ông Nguyễn Văn Tỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Mai Anh - Cán bộ Tòa án huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 352/2017/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017 về ly hôn và nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1.*Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, sinh năm 1990; Cư trú tại: Y2, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh N; Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

2.*Bị đơn:* Anh Đoàn Văn C, sinh năm 1983; Cư trú tại: Thôn H2, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; Vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng nguyên đơn là chị Phạm Thị N trình bày: Chị và anh Đoàn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2009. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống tại gia đình anh C tại thôn H, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng được nửa năm thì hai bên chuyển về gia đình chị ở N chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ đến đầu năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng

về quan điểm sống, anh C thờ bạc không quan tâm đến gia đình. Chị đã cố gắng tìm nhiều cách khắc phục mâu thuẫn nhưng hai bên không cải thiện được. Mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên vợ chồng chị đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2012 đến nay, mỗi người một nơi chị và con sinh sống tại N còn anh C ở cùng gia đình tại thôn H2, xã H, huyện A, thành phố Hải phòng, Hai bên không còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh C không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, vợ chồng không thể khắc phục chung sống đoàn tụ với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không có hạnh phúc, anh C cũng đã đưa người phụ nữ khác về nhà chung sống từ hai năm nay nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Văn C.

Về con chung: Chị và anh Đoàn Văn C có 01 con chung là Đoàn Văn Đ, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2010. Do con chung đã sinh sống với chị ổn định, nên chị đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, chị không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Anh C yêu cầu được nuôi con chung chị không chấp nhận vì con chung cần chị chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị và anh Đoàn Văn C không có tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Đoàn Văn C vắng mặt tại phiên tòa, tại đơn trình bày quan điểm và xin vắng mặt tại phiên tòa anh Đoàn Văn C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh C xác định về việc chị Phạm Thị N xin ly hôn anh cũng đồng ly hôn với chị N do hai bên đã không còn tình cảm vợ chồng, sống ly thân 6 năm nay không còn quan tâm và có trách nhiệm gì với nhau nữa. Mâu thuẫn của hai bên đã căng thẳng nghiêm trọng không thể khắc phục đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh và chị N ly hôn

Về con chung: Anh và chị Phạm Thị N có một con chung là Đoàn Văn Đ, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2010 hiện chị N đang nuôi dưỡng. Anh cũng có nguyện vọng được nuôi con nhưng nếu chị N có yêu cầu nuôi con anh đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho con chung nếu chị N không nuôi con, anh sẽ nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung: Anh và chị Phạm Thị N không có tài sản gì chung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật Tổ tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng. Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định. Đối với nguyên đơn chấp hành đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của

đương sự theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vi phạm Điều 70 và Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vắng mặt tại các phiên hòa giải.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào yêu cầu của đương sự, các tài liệu chứng cứ Tòa án đã thu nhập đề nghị Hội đồng xét xử : Căn cứ vào Điều 28, 70, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn C, về con chung: Giao con chung Đoàn Văn Đ, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2010 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh C cho chị N khi nào chị N có yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Phạm Thị N và bị đơn anh Đoàn Văn C : Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành các trình tự giải quyết vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Toà án đã giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị N và anh C theo quy định. Tuy nhiên chị N và anh C đều có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Tòa án thu thập đã có đủ cơ sở xác định lời khai của chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn C về thời gian, điều kiện kết hôn và quá trình chung sống giữa hai bên là đúng sự thật. Mâu thuẫn vợ chồng được thể hiện ở việc trong quá trình chung sống hai bên va chạm, căng thẳng, không có hạnh phúc và hai bên đã sống ly thân từ năm 2012 đến nay, không còn quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, thiếu sự quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Mâu thuẫn của hai bên đã được gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng hai bên không khắc phục được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Chị N và anh C đều xác định vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục đoàn tụ và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho hai bên ly hôn. Tòa án đã nhiều lần báo anh C đến để hòa giải tìm

cách khắc phục mâu thuẫn giữa hai bên. Tuy nhiên, anh C vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ.

Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn C đã kéo dài và trở nên trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, sống ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, do đó yêu cầu xin ly hôn của chị N và anh C là có cơ sở, cần được chấp nhận để giải phóng cho hai bên khỏi sự ràng buộc bởi quan hệ hôn nhân. Căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn C.

[3] Về con chung: Chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn C có một con chung là Đoàn Văn Đ, sinh ngày 27 tháng 04 năm 2010. Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh C đều có nguyện vọng được nuôi con chung. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Hội đồng xét xử, xét thấy từ năm 2012 đến nay con chung Đoàn Văn Đ đã sinh sống với chị N ổn định phát triển tốt, nguyện vọng của con chung cũng muốn tiếp tục sống với mẹ. Vì vậy, quan điểm về việc nuôi dưỡng con chung của chị N đưa ra là có căn cứ nên chấp nhận, giao con chung Đoàn Văn Đ cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Chị N có quan điểm không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị. Xét quan điểm của chị N đưa ra là tự nguyện do vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đoàn Văn C cho chị Phạm Thị N, khi nào chị N có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị N và anh Đoàn Văn C không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy, Hội đồng không xem xét giải quyết, sau này hai bên có tranh chấp sẽ xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 70, 143, 147, khoản 1 Điều 227; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị N được ly hôn anh Đoàn Văn C.

[2]. Về con chung: Giao con chung Đoàn Văn Đ, sinh ngày 27 tháng 4 năm 2010 cho chị Phạm Thị N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Đoàn Văn C cho chị Phạm Thị N, khi nào chị N có yêu cầu, Tòa án xem xét giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày 01 tháng 02 năm 2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Chị N đã nộp đủ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (Biên lai thu tiền số 0007360 ngày 24 tháng 10 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại nơi các đương sự đang cư trú.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Tuân

Nguyễn Văn Tĩnh

Nguyễn Thị Thu Hương

Nơi nhận:

- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã H(Nơi ĐKKH);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hương